



TÓM TẮT
CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX6

(Kèm theo Tờ trình số 42TTr/VC6-HĐQT ngày 6/6/2016 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinaconex6)

TT	Điều Khoản	Nội dung đề nghị được sửa đổi	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Phần mở đầu	Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số <u>60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005</u> Điều lệ này được Cổ đông của Công ty thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên năm 2015 nhiệm kỳ 2015 – 2020 Công ty cổ phần Vinaconex6 tổ chức vào ngày 09 tháng 4 năm 2015.</u>	Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</u> Điều lệ này được Cổ đông của Công ty thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông <u>bất thường năm 2016 Công ty cổ phần Vinaconex6 tổ chức vào ngày 21 tháng 6 năm 2016.</u>	Luật hiện hành
2	1.1.a	Điều 1: Định nghĩa a) " <u>Vốn Điều lệ</u> " là <u>vốn do tất cả các cổ đông đóng góp</u> và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.	Điều 1: Định nghĩa a) " <u>Vốn điều lệ</u> " là <u>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán</u> quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.	Điều 4 .29
3	1.1.b	b) " <u>Luật Doanh nghiệp</u> " có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.</u>	b) " <u>Luật Doanh nghiệp</u> " có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.</u>	Luật hiện hành
4	Bổ sung	Chưa quy định	<u>"Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật số 562/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và được sử đổi, bổ sung tại từng thời điểm</u>	Quy định bổ sung áp dụng đối với Công ty niêm yết
5	1.1.đ	đ " <u>Người có liên quan</u> " là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp	đ " <u>Người có liên quan</u> " là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 Luật Doanh nghiệp và <u>Điều 6.34 Luật Chứng khoán</u>	Phù hợp với Công ty niêm yết

6	1.1.e	e) " <u>Thời hạn hoạt động</u> " là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này <u>và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</u>	e) " <u>Thời hạn hoạt động</u> " là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này	Thống nhất với quy định tại Điều 2 Điều lệ
7	1.1.h Bỏ	h) " <u>Tổng công ty</u> " là <u>Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.</u>	<i>Không quy định</i>	Công ty không còn là thành viên của TCT CP Vinaconex
8	1.1.k	k) " <u>Công ty con</u> " là các doanh nghiệp <u>do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc Công ty có quyền kiểm soát chi phối.</u>	<i>k) "<u>Công ty mẹ, công ty con</u>" là các doanh nghiệp có liên quan với nhau theo quy định tại điều 189.1 Luật Doanh nghiệp.</i>	Điều 189.1 Luật Doanh nghiệp
9	1.1.n	n) " <u>Người quản lý</u> " là <u>những người nắm giữ chức danh sau: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty.</u>	<i>"Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty.</i>	Điều 4.18 Luật Doanh nghiệp
10	2.6	<u>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.</u> <u>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 48 và Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</u>	<u>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.</u> <i>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</i>	Phù hợp với thời hạn hoạt động của Công ty "Vô thời hạn"
11	2.7.a	a) Công ty cổ phần Vinaconex6 tồn tại dưới hình thức một công ty cổ phần <u>do Tổng công ty Cổ phần Vinaconex nắm giữ cổ phần chi phối</u> , phát hành cổ phiếu để thu hút thêm vốn phát triển doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.	a) Công ty cổ phần Vinaconex6 tồn tại dưới hình thức một công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu để thu hút thêm vốn phát triển doanh nghiệp, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.	Tổng công ty cổ phần Vinaconex không còn là cổ đông của Công ty cổ phần Vinaconex6
12	3.1	<u>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty</u> <u>1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:</u> <u>a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u>	<u>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty</u> <u>1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:</u> <i>a) Không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đem lại nguồn lợi nhuận cao cho các cổ đông;</i>	Phù hợp với thực tế hoạt động SXKD của Công ty

		<p><u>b) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của Công ty đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.</u></p> <p><u>c) Trở thành một trong những doanh nghiệp mạnh ở Việt Nam và khu vực về lĩnh vực, xây lắp, kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.</u></p>	<p><i>b) Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động; đóng góp cho Ngân sách nhà nước;</i></p> <p><i>c) Phát triển bền vững và không ngừng cải tiến, hoàn thiện để trở thành nhà thầu xây dựng chuyên nghiệp, đẳng cấp; doanh nghiệp kinh doanh bất động sản có uy tín.</i></p>	
13	4.1	<p>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <u>quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u> và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p>	<p>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <i>ngành, nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia</i> và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p>	Điều 7 Luật Doanh nghiệp
14	5.1.c Bỏ	<p>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần.</p> <p><u>c) Cơ cấu phân theo sở hữu:</u></p> <p><u>Giá trị cổ phần phát hành: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn)</u></p> <p><u>-Vốn thuộc sở hữu Tổng công ty: 28.800.000.000 đồng (Hai mươi tám trăm triệu đồng chẵn), chiếm 36% vốn điều lệ, bằng 36 % giá trị cổ phần phát hành.</u></p> <p><u>-Vốn thuộc sở hữu các cổ đông là pháp nhân và thể nhân khác là: 51.200.000.000 đồng.</u></p> <p><u>(Năm mươi một tỷ hai trăm triệu đồng) chiếm 64 % vốn điều lệ bằng 64 % giá trị cổ phần phát hành.</u></p> <p><u>- Tại thời điểm thông qua điều lệ này, Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty.</u></p>	<p>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần.</p> <p><i>Không quy định</i></p>	Tổng công ty cổ phần Vinaconex không còn là cổ đông của Công ty cổ phần Vinaconex6 và phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty niêm yết.
15	5.2.b	<p>b) Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, <u>kể cả các cổ phần do Tổng công ty nắm giữ.</u> Mỗi cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.</p>	<p>b) Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.</p>	Tổng công ty cổ phần Vinaconex không còn nắm giữ cổ phần của Công ty cổ phần Vinaconex6
16	5.2.c Bỏ	<p><u>c) Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu.</u></p>	<p><i>Không quy định</i></p>	Được quy định cụ thể tại Điều 6 Điều lệ

17	5.2. Bổ sung	Chưa quy định	<i>Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</i>	Điều 5.5 Điều lệ mẫu
18	8.1 -> 8.13	Điều 8: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần <u>Từ 8.1 đến 8.13</u>	Điều 8: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần <i>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. 2. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chào bán, chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</i>	Điều chỉnh quy định để phù hợp với quy định của pháp luật áp dụng đối với Công ty cổ phần đại chúng và Công ty có cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.
19	11.1	Điều 11: Quyền của cổ đông <u>1. Cổ đông là thể nhân hoặc pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công ty</u> , các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	Điều 11: Quyền của cổ đông <i>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty</i>	Điều 12 Điều lệ mẫu
20	11.2.a	<u>2. Cổ đông của Công ty được hưởng các quyền sau:</u> <u>a) Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết; và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền.</u>	<i>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</i> <i>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</i>	Điều 114 .1.a Luật Doanh nghiệp

21	11.2.i	i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ theo quy định <u>tại Điều 90.1 của Luật Doanh Nghiệp.</u>	i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ <i>theo quy định có liên quan của Pháp luật.</i>	Vì là công ty cổ phần đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nên ngoài quy định của Luật doanh nghiệp, giao dịch cổ phần của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật có liên quan khác
22	11.3	3. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông</u> trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:	3. <i>Cổ đông sở hữu từ đủ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</i> trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:	Điều 114.2 Luật Doanh nghiệp
23	13.3.c	Điều 13: Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c.Khi số thành viên của Hội đồng quản trị <u>ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</u>	Điều 13: Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c)Khi số thành viên Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</i>	Điều 136.3.b Luật Doanh nghiệp
24	13.4.a	a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13 của Điều lệ.	a.Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13 của Điều lệ. <i>Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</i>	Điều 156.3.a Luật Doanh nghiệp

25	14.2.m	Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông m. <u>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u>	Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông m. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u> Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Điều 135.2.d Luật doanh nghiệp
26	14.2.o	o. <u>Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u>	o. <u>Chấp thuận các Hợp đồng, các giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ký kết giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp (gồm: Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ; Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Doanh nghiệp mà những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ).</u> Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ký kết giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp (gồm: Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ; Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Doanh nghiệp mà những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ).	Điều 162 Luật Doanh nghiệp

27	17.2.a	<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><u>a Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông;</u> chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 30 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</i> chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	Điều 137.1 Luật Doanh nghiệp
28	17.3	<p><u>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). ...</u></p>	<p><i>3. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ); đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty....</i></p>	Điều 139 Luật doanh nghiệp
29	17.5 .b	<p>b. Vào thời điểm đề xuất, <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông</u> trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p>	<p>b. Vào thời điểm đề xuất, <i>cổ đông không có đủ ít nhất 5% hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông</i> trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p>	Điều 114 .2 Luật Doanh nghiệp
30	18 .1	<p>Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p>	<p>Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <i>ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</i></p>	Điều 141.1 Luật Doanh nghiệp
31	18 .2	<p><u>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p>	<p><i>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;</i></p>	Điều 141.2 Luật Doanh nghiệp

32	18.3	<u>3.Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</u>	<i>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</i>	Viết lại cho phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Điều lệ
33	19.2	Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 2....Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ <u>nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</u>	Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 2....Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.	Điều 142.2.d Luật Doanh nghiệp <i>Luật hiện hành không quy định số lượng (trước là: không quá 3 người)</i>
34	19.4	<u>4.Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ toạ của Đại hội đồng cổ đông, Chủ toạ không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc Chủ toạ được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ toạ, tên Chủ toạ được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ toạ phải được công bố.</u>	4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì : <i>a.Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i> <i>b.Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i> <i>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</i>	Điều 142.2a,b,c Luật Doanh nghiệp

35	20.1,2	<p>Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản Error! Reference source not found. Điều 20 của Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành về nội dung: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; 3. Tại từng thời điểm, trước khi tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử trong đó quy định thực hiện bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức bầu cử hợp lệ khác. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</p>	<p>Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014</p> <p>Luật hiện hành không bắt buộc áp dụng phương thức bầu dồn phiếu.</p>
----	--------	---	--	--

			<p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	
36	21.2	<p>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình <u>dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;</u></p>	<p>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình <i>dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại điều 139 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014
37	21.4	<p><u>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u></p> <p><u>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</u></p> <p><u>Sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, các phiếu lấy ý kiến không gửi về Công ty được công vào phiếu tán thành hoặc phiếu không tán thành với các vấn đề cần lấy ý kiến tùy thuộc loại phiếu nào có số phiếu biểu quyết cao hơn.</u></p>	<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) <i>Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</i></p> <p>b) <i>Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</i></p> <p><i>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</i></p>	

38	21.5	<p>5. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	<p>5. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p>	
39	22	<p>Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>Các biên bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự</u> phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp</i> phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	Điều 146.3 Luật Doanh nghiệp
40	22.1.a,g	<p>1. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty.</u> Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p>	<p>1. <i>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</i> Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, <i>có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài</i> và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ <i>phương thức biểu quyết</i>, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p>	Điều 146 .1 Luật Doanh nghiệp

41	24.1	<p>Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. <i>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</i></p> <p>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu tại thời điểm bắt đầu của mỗi nhiệm kỳ bằng thời hạn của nhiệm kỳ đó. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung tại một thời điểm nhất định trong 01 nhiệm kỳ là thời gian còn lại của nhiệm kỳ đó; Khi nhiệm kỳ Hội đồng quản trị kết thúc, các thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</i></p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Phù hợp Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2014</p>
42	24.2 bỏ	<p><u>2. Các thành viên Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỉ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỉ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><i>Không quy định</i></p>	<p>Điều 113.3 Luật Doanh nghiệp Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu từ ngày 17/7/2000 nên cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông từ sau ngày 17/7/2003.</p>

43	24.3	3. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u>	3. <u>Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa một (01) ứng viên; Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u>	Điều 114 .2 Luật Doanh nghiệp
44	24.9 Bổ sung	Chưa quy định	<p>9. <u>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>a) <u>Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</u></p> <p>b) <u>Số lượng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định.</u></p> <p><u>Các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u></p>	Quy định bổ sung để phù hợp khoản 3 điều 156.3 Luật Doanh nghiệp 2014
45	25. 3	Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị <u>3.Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</u>	<p>Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3.<u>Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>a) <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</u></p> <p>b) <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp

	<p><u>Toàn bộ các điểm a,b,c,d,e,f,g,h,i,j,k,l</u></p> <p><u>4.Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</u></p> <p><u>Toàn bộ các điểm a,b,c,d,e,f,g,h,i,j,k</u></p>	<p>c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp và quy định của Luật chứng khoán;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua tài sản, bán tài sản, vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty nếu các hợp đồng này có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>i. Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> <p>k) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm m Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>l) Chấp thuận các Hợp đồng, các giao dịch có giá trị từ 35% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ký kết giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp (gồm: Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ; Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Doanh nghiệp mà những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ) theo ủy quyền của Đại Hội đồng cổ đông tại điểm o điều 14 Điều lệ này.</p>	
--	---	--	--

			<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị danh dự, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.</p>	
46	26.1,2	<p><u>Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></p> <p><u>1.Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.</u> Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2.Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm</p>	<p>Điều 26: Chủ tịch, Chủ tịch danh dự, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1.Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch bằng thể thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số quá bán phiếu chấp thuận. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	Điều 152 Luật Doanh nghiệp

		<p>chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp</p> <p><i>2. Công ty có thể có Chủ tịch Hội đồng quản trị Danh dự, Chủ tịch Danh dự do Hội đồng quản trị bầu bằng thể thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số quá bán phiếu chấp thuận. Chủ tịch danh dự không tham gia trực tiếp nhiệm vụ công tác quản lý/quản trị lãnh đạo Công ty.</i></p> <p><i>3. Công ty có thể có Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch là thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu bằng thể thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số quá bán phiếu chấp thuận. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền đồng thời thông báo cho Hội đồng quản trị biết về việc ủy quyền và lý do ủy quyền.</i></p> <p><i>Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho Phó chủ tịch HĐQT thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Phó Chủ tịch HĐQT được ủy quyền phải chịu các trách nhiệm pháp lý liên quan về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.</i></p> <p><i>Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</i></p>	
47	27. 3	<p>Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3.Các cuộc họp bất thường:</p> <p>Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a.Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</p> <p>b.Hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c.Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3.Các cuộc họp bất thường:</p> <p>Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a.Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</p> <p>b.Hai thành viên <u>điều hành</u> của Hội đồng quản trị;</p> <p>c.Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p>	Điều 153.4 Luật Doanh nghiệp

		d.Đa số thành viên Ban kiểm soát.	<i>d. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.</i>	
48	27.4	4.Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành <u>trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp.</u> ...	4.Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành <i>trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị</i>	Điều 153.5 Luật Doanh nghiệp
49	27.7	7.Thông báo và chương trình họp: <u>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp,...</u>	7.Thông báo và chương trình họp: <i>Ngoại trừ các trường hợp Hội đồng quản trị họp đột xuất, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị...</i>	Điều 153.6 Luật Doanh nghiệp
50	27.8	8.Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi <u>có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp.</u>	8.Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi <i>có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</i> <i>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i> <i>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</i> <i>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</i> <i>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</i>	Điều 153.9 Luật Doanh nghiệp
51	27.9.e Bổ sung	Chưa quy định	<i>e.Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i>	Bổ sung để phù hợp với Điều 153.9 Luật doanh nghiệp
52	27.11	11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành	11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành	Điều 153.9 Luật Doanh nghiệp

		của đa số thành viên Hội đồng quản trị <u>có mặt</u> (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.	của đa số thành viên Hội đồng quản trị <u>dự họp</u> (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.	ngành
53	27.14	14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và <u>phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</u>	14. <i>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</i> Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. <i>Biên bản phải lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài) và có Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Nội dung chính theo quy định tại Điều 154.1 Luật Doanh nghiệp.</i>	Điều 154 Luật Doanh nghiệp
54	30.2,3	Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc. 2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là <u>[3] năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.</u> 3.f) Vào ngày (31 tháng 10) hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.	Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc. 2. Nhiệm kỳ của Giám đốc <i>không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i> 3.f) Vào ngày (15 tháng 12) hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.	Phù hợp khoản 2 điều 157 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu
55	33.3	Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi <u>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u>	Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi <i>3. Khi cần thiết, Công ty được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp (gồm: Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ; Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của</i>	Phù hợp điểm o điều 14 Điều lệ và Điều 162 Luật Doanh nghiệp

			<p><i>Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Doanh nghiệp mà những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ) và giao cho Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với điều 33.4.a dưới đây.</i></p>	
56	33.4	<p><u>4.Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</u></p> <p><u>a.Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</u></p> <p><u>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ</u></p>	<p><i>4.Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp (gồm: Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ; Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Doanh nghiệp mà những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ) sẽ không bị vô hiệu hoá nếu:</i></p> <p><i>a. Được Hội đồng quản trị chấp thuận đối với các Hợp đồng, các giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại điểm o điều 14 Điều lệ này). Trong trường hợp này, Người đại diện Công ty ký hợp đồng thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với các hợp đồng, các giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</i></p> <p><i>b.Được Đại Hội đồng cổ đông chấp thuận đối với các Hợp đồng, các giao dịch có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với các hợp đồng, các giao dịch đó;</i></p>	Điều 162 Luật Doanh nghiệp

		<u>phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</u>	<i>đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</i>	
57	35.1	<p>Điều 35: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p><u>1.Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p>	<p>Điều 35: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 (ba) thành viên. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên, cụ thể như sau:</p> <p>a) Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164, Luật doanh nghiệp; và</p> <p>b) Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>c) Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p> <p>d) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên, kế toán viên hoặc người có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Công ty và am hiểu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	Điều 163.1,2 và Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
58	35.2	<p><u>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử</u></p>	<p>2. Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa một (01) ứng viên; Các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên</p>	Điều 114.2 Luật Doanh nghiệp

		tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	<i>Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</i>	
59	39	<p><u>Điều 39: Cổ tức</u></p> <p><u>1.Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>2.Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</u></p> <p><u>3.Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</u></p> <p><u>4.Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</u></p> <p><u>5.Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp</u></p>	<p><u>Điều 39. Phân phối lợi nhuận</u></p> <p><i>1 Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</i></p> <p><i>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</i></p> <p><i>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</i></p> <p><i>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</i></p> <p><i>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</i></p> <p><i>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán,</i></p>	Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ mẫu – Công ty niêm yết

		<p>Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thu hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	<p><i>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</i></p> <p><i>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</i></p>	
60	40 Bỏ	<u>[Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật]</u>	<i>Không quy định</i>	Đã quy định Điều 39.7 Điều lệ
61	44.4	<u>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.</u>	<p>Điều 44: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p><i>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</i></p>	Phù hợp Công ty niêm yết.
62	46.1	Điều 46: Kiểm toán	Điều 46: Kiểm toán	Phù hợp với Điều 45

		<p><u>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. [Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh].</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p>	Điều lệ mẫu
63	46.3	<p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</u></p>	<p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	
64	49	<p><u>Điều 49: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.</u> Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau: 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động. 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị. 3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>	Không áp dụng	Phù hợp với Điều lệ mẫu
65	50	<p><u>Điều 50: Gia hạn hoạt động</u> 1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ</p>	Không áp dụng	Không phù hợp vì theo quy định tại khoản 6

		<p><u>đồng có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>2.Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p>		<p>Điều 2 “Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn:</p>
66	58.2,3	<p><u>2.Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</u></p> <p><u>a.01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</u></p> <p><u>b.05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.</u></p> <p><u>c.04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty</u></p> <p>3.Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty</p>	<p><i>Không áp dụng</i></p> <p>3.Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. <i>Điều lệ được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty và thực hiện Công bố thông tin theo quy định.</i></p>	<p>Phù hợp với quy định áp dụng đối với Công ty niêm yết.</p>



PHỤ LỤC DANH SÁCH CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

- Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-BXD ngày 30/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc: Chuyển Công ty xây dựng số 6 – Doanh nghiệp nhà nước thành viên của Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103000087 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 17/7/2000 cho Công ty cổ phần Xây lắp và Xuất nhập khẩu Việt Nam (VICIMEX) nay là Công ty cổ phần Vinaconex6;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103000087 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chứng nhận đăng ký thay đổi lần 2 ngày 15/12/2004 cho Công ty cổ Vinaconex6,

Danh sách cổ đông sáng lập – Công ty cổ phần Vinaconex6

Quy định tại mục 5 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Đăng ký doanh nghiệp) của Công ty cổ phần Vinaconex6 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chứng nhận đăng ký thay đổi lần 2 ngày 15/12/2004

STT	Tên cổ đông	Nơi Đăng ký HKTT đối với cá nhân/ Địa chỉ Trụ sở chính đối với Tổ chức	Số cổ phần sở hữu (15/12/2004)	Giá trị cổ phần 01 CP = 100.000VNĐ
1	Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam Người Trực tiếp quản lý: Nguyễn Văn Tuấn Nguyễn Đình Thiết Tô Ngọc Thành Nguyễn Đức Lưu	34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	76.500	7.650.000.000
2	Đỗ Đình Hùng	P92-C6, Phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	5.700	570.000.000
3	Nguyễn Minh Tuấn	Số 37, ngõ 157, phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	2.220	220.000.000
4	720 Cổ đông khác		58.668	5.866.800.000